

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN DDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/06/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK14+TD1+P6	7:25	2+16+0	0+0+0		0+12+10	0+0+0	
2		CLO+RP1	7:25	20+1	0+0		20+1	0+0	
3		SAVR+TD5+TD1	9:25	7+3+6	0+0+0		0+3+14	0+0+0	

TTBBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
1/ Đi về trong ngày TD1-4ng



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/06/2025	TO: BK14 - TD1 - P6	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: PHÚ - ĐỨC - THÔNG	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN ĐƯƠNG	BK14	74	1	11	1	20	66	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG ANH	BK14	71-73	3	23			96	CODIEN	Vietnamese
3	FILIPPOV EGOR	TD1	01	1	7	1	15	124	D-HANH	Russian
4	ZHARIKOV V. A.	TD1	03	1	14			70	KHOAN	Russian
5	EMELYANOV YURY	TD1						108	KHOAN	Russian
6	KARAVKA IVAN	TD1	02	1	2			111	KHOAN	Russian
7	LÊ QUỐC BẢO	TD1	05	1	3			73	KHOAN	Vietnamese
8	MAI VĂN HỘI	TD1	10	1	7			73	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG ANH TUẤN	TD1	07	1	6			81	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH TÙNG	TD1	06	1	7			55	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VĂN SANG	TD1	09	1	7			64	KHOAN	Vietnamese
12	BAMBUROV EGOR	TD1						94	KH-THAC	Russian
13	VÕ TÁ HOANG ANH	TD1	08	1	8			73	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	04	1	6			62	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN PHÚC NGUYỄN	P6	31-32	2	11			89	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ ANH NGỌC	P6	37-38	2	15			57	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG	P6	33-34	2	22			55	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	P6	39-40	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM TUẤN ANH	P6	43-44	2	25			46	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN TIẾN TÀI	P6	35-36	2	9			74	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH NAM	P6	41-42	2	17			54	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK14	2	162	4	34	1	20	0		
2	TD1	12	988	10	67	1	15	10		
3	P6	7	445	14	119	0	0	10		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.595</b>	<b>28</b>	<b>220</b>	<b>2</b>	<b>35</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.595</b>		<b>220</b>		<b>35</b>			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/06/2025	TO: CLO - RP1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: DUONG - MTHAO - NNAM	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VOROBYEV SERGEY	CLO	34	1	9			102	KHOAN	Russian
2	BUI ĐỨC LUAN	CLO	28-29	2	6			75	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ MẠNH THĂNG	CLO	38	1	4			63	KHOAN	Vietnamese
4	HỒ VĂN RỒN	CLO	31	1	5	1	16	76	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LỘC	CLO	39	1	9			73	KHOAN	Vietnamese
6	BUI HỮU HỒNG	CLO	32	1	7			85	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG TÂM	CLO	27	1	3			69	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN HỮU SƠN	CLO	26	1	5			71	KHOAN	Vietnamese
9	BUI TRUNG THỌ	CLO	37	1	7			68	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TUẤN ANH	CLO	30	1	8			71	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN BUI QUANG	CLO	21-22	2	17			70	KHOAN	Vietnamese
12	ĐỖ THANH LIÊM	CLO	40	1	7			62	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VIỆT HÙNG	CLO	45-46	2	15			65	KHOAN	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN QUANG	CLO	35-36	2	13			79	KHOAN	Vietnamese
15	TRƯƠNG VĂN THỌ	CLO	33	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN HẠM HÀ	CLO	44	1	8			66	DVL	Vietnamese
17	ĐẠO VĂN YẾN	CLO	41	1	11			63	DVL	Vietnamese
18	DUƠNG THẾ ĐỨC	CLO	43	1	12			80	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN DUY ĐÔNG	CLO	25	1	2			70	PSV	Vietnamese
20	LÊ MINH MINH	CLO	23-24	2	9			69	PSV	Vietnamese
21	MAI HẢI LONG	CLO	42	1	7			70	D-HANH	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH TUYẾN	RP1	27	1	8	4	60	66	YTE	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK	
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO			
				PCS	W	PCS	W		
1	CLO	21	1.527	26	168	1	16	20	
2	RP1	1	66	1	8	4	60	1	
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.593</b>	<b>27</b>	<b>176</b>	<b>5</b>	<b>76</b>	<b>21</b>	
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.593</b>		<b>176</b>		<b>76</b>		

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.

*[Handwritten signature]*  
M. D. K.

VNH REP.

*[Handwritten signature]*

CAPTAIN

*[Handwritten signature]*  
M. D. K.



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/06/2025	TO: SAVR - TD3 - TD1	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: DUONG - MTHAO - NNAM	ETA: 11:40
XANH - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐẶNG MINH SƠN	SAVR	72	1	11			68	BAKER HU	Vietnamese
2	NGUYỄN TUẤN MINH	SAVR	77-78	2	13	1	4	78	PVDWS	Vietnamese
3	NGUYỄN TUẤN ANH	SAVR	71	1	4			82	PVDWS	Vietnamese
4	HA VIỆT HÙNG	SAVR	73	1	10			65	PVDWS	Vietnamese
5	ĐINH DUY LONG	SAVR	79	1	9			65	PVDWS	Vietnamese
6	PHẠM HỒNG MINH	SAVR	80	1	12			76	PVDWS	Vietnamese
7	BUI ANH PHƯƠNG	SAVR	74	1	5			69	PVDWS	Vietnamese
8	PHAN TRUC TUYEN	TD3	92	1	2	4	70	65	KHOAN	Vietnamese
9	ĐẠO THE VU	TD3	93	1	6			68	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG XUÂN THI	TD1	50	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
11	LUU BA XÔ	TD1	54-55	2	12			84	DVL	Vietnamese
12	LÊ THÀNH TRUNG	TD1	49	1	14			73	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN SỸ TUẤN	TD1	51	1	16			72	DVL	Vietnamese
14	LÊ VĂN NGỌC	TD1				1	20	78	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH MƯỜI	TD1	53	1	4			71	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN TRƯỜNG DƯƠNG	TD1	46-47	2	13			97	KHOAN	Vietnamese
17	BUI VAN NINH	TD1	45	1	9			81	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN TRUNG KIẾN	TD1	48	1	8			73	KHOAN	Vietnamese
19	ĐẶNG VĂN KHOA	TD1	52	1	13			60	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	7	503	8	64	1	4	0		
2	TD3	2	133	2	8	4	70	0		
3	TD1	10	763	11	94	1	20	16		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.399</b>	<b>21</b>	<b>166</b>	<b>6</b>	<b>94</b>	<b>16</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.399</b>		<b>166</b>		<b>94</b>			

GRAND TOAL: 1.659 KGS

VSP REP.

*[Signature]*  
N. T. K. THU

VNH REP.

*[Signature]*  
N. T. K. THU

CAPTAIN

*[Signature]*  
B. H. DeLong



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2025	TO: RC4 - RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HÙNG - SƠN - MQUÂN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN HOANG MINH	RC4	49	1	7	2	32	71	CODIEN	Vietnamese
2	VU VAN TOAN	RP3						77	D-HANH	Vietnamese
3	HO NGOC HUNG	RP3	43	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM HAI KIEN	RP3	29	1	2			77	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN THI HANG	RP3	44	1	3			62	NIPI	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN THANG	RP3						61	NIPI	Vietnamese
7	NGUYEN QUANG TU	RP3						69	DUY LINH	Vietnamese
8	DO QUOC VU	RP3	41-42	2	14			67	XAYLAP	Vietnamese
9	LE QUOC HUONG	RP3	22	1	12			74	XAYLAP	Vietnamese
10	DAO QUOC OAI	RP3	18	1	16	1	12	74	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN TUAN DAT	RP3	20-21	2	19			85	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN TRUONG GIANG	RP3	23-24	2	15			80	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAM QUOC CUONG	RP3	37	1	16			66	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐANG HUY CẬN	RP3	17	1	5			64	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN TUAN ANH	RP3	30-31	2	18			76	XAYLAP	Vietnamese
16	TRAN QUOC TUAN	RP3	26-27	2	9			64	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐAO QUOC HUNG	RP3	32-33	2	21			61	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN HUU THIEN	RP3	34-35	2	22			65	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAM VAN LONG	RP3	36	1	13			66	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN THANH HUNG	RP3	38	1	17			73	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐANG VAN NAM	RP3	25,28	2	20			79	XAYLAP	Vietnamese
22	TRAN ĐUC CHIN	RP3	39	1	10	1	14	67	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC4	1	71	1	7	2	32	0		
2	RP3	21	1.484	26	235	2	26	21		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.555</b>	<b>27</b>	<b>242</b>	<b>4</b>	<b>58</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.555</b>		<b>242</b>		<b>58</b>			

GRAND TOAL: 1.855 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

P.T. Son



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2025	TO: THOR - BK20	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: KHOAN - N.CUONG - HIEU	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	CHU VAN TUOC	THOR	95-96	2	7			72	INTL.SOS	Vietnamese
2	THOMAS MCCORMACK	THOR	80-81	2	15			89	BORR DRIL	British
3	ZACCHARIA JOK WAN	THOR	77	1	12			79	BORR DRIL	Malaysian
4	NGUMBANG ANAK RENTAP	THOR	78	1	6			71	BORR DRIL	Malaysian
5	LE NGOC THU	THOR	97-98	2	12			79	PVD OFFSH	Vietnamese
6	LE QUANG CUONG	THOR	75	1	14			77	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN QUANG HUNG	THOR	93	1	13			77	KHOAN	Vietnamese
8	LE DUC ANH	THOR	92	1	7			90	GMOC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN PHO	THOR	87	1	9			61	PVD OFFSH	Vietnamese
10	TRUONG CONG VU	THOR	84	1	6			69	PVD OFFSH	Vietnamese
11	NGUYEN CHIEN THANG	THOR	86	1	6			68	PVD OFFSH	Vietnamese
12	PHAM VAN TRONG	THOR	85	1	9			66	PVD OFFSH	Vietnamese
13	TRAN VAN DUC	THOR	89	1	4			68	PVD OFFSH	Vietnamese
14	PHAM VAN DUNG	THOR	79	1	6			79	PVD OFFSH	Vietnamese
15	VU XUAN ANH	THOR	76	1	7			61	PVD OFFSH	Vietnamese
16	TON QUOC VU	THOR	83	1	5			77	PVD OFFSH	Vietnamese
17	BUI QUANG TUNG	THOR	82	1	5			77	PVD OFFSH	Vietnamese
18	NGUYEN TRUNG HIEU	THOR	88	1	7			72	PVD OFFSH	Vietnamese
19	NGUYEN QUOC TINH	THOR	91	1	7			77	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN MINH THAI	THOR	90	1	7			99	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VAN GIN	THOR	94	1	10			68	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN HOANG LINH	THOR	99,800	2	9			67	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	THOR	22	1.643	26	183	0	0	19		
2	BK20	0	0	0	0	2	27	2		
TOTAL		22	1.643	26	183	2	27	21		
WEIGHT KG			1.643		183		27			

GRAND TOAL: 1.853 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2025	TO: P11 - THOR	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: HÙNG - SƠN - MQUÂN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN HUY HUNG	P11	10	1	6			68	KHOAN	Vietnamese
2	BUI NGOC LAM	P11	06	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
3	DEMIN YURIY	P11	03	1	8			98	KHOAN	Russian
4	TRAN MINH HIEU	P11	04	1	6			73	KHOAN	Vietnamese
5	VÔ VĂN HÙNG	P11	15	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TAN PHUOC	P11	13	1	6			63	KHOAN	Vietnamese
7	KHUAT QUANG KIEN	P11	23	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN QUANG HAO	P11	22	1	6			85	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN QUOC TUAN	P11						65	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM DINH THUYET	P11	14	1	6			78	KHOAN	Vietnamese
11	LE TIEN DUNG	P11	05	1	3			70	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN TUAN LONG	P11	18	1	7			68	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN QUANG HUY	P11	11-12	2	21			93	DVL	Vietnamese
14	PHAM VAN CUONG	P11	07-08	2	22			85	DVL	Vietnamese
15	NGUYEN MINH THAO	P11	16-17	2	18			68	DVL	Vietnamese
16	PHAM VAN DAM	P11	19-21	3	18			70	DVL	Vietnamese
17	ĐẠO VĂN ĐAN	P11	09	1	10			70	PSV	Vietnamese
18	TRAN MINH HIEU	THOR	04-06	3	20			65	PVD	Vietnamese
19	NGUYEN VAN LINH	THOR	01	1	14			65	DVL	Vietnamese
20	ĐINH VIỆT DUNG	THOR	02	1	9			59	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN VAN HOI	THOR	03	1	12			66	DVL	Vietnamese
22	ĐẶNG TIEN CANH	THOR	07-08	2	18			66	DMC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P11	17	1.266	21	158	0	0	14		
2	THOR	5	321	8	73	0	0	7		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.587</b>	<b>29</b>	<b>231</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.587</b>		<b>231</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.818 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	RC5	49	1	9	6	93	74	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN CONG PHU	RC5	45	1	9			76	CODIEN	Vietnamese
3	KIEU MINH QUYET	RC5	41	1	5			63	PSV	Vietnamese
4	VÔ VĂN TUẤN TU	RC5	43-44	2	8			70	PSV	Vietnamese
5	ĐẶNG VĂN THẢO	RC5	47-48	2	14	3	19	63	BA SON	Vietnamese
6	ĐÌNH HOANG LONG	RC5	42	1	9			71	BA SON	Vietnamese
7	LÊ VĂN MINH	RC5	46	1	15			65	BA SON	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG HOA	RP1	07	1	2			83	XAYLAP	Vietnamese
9	MAI VĂN LINH	RP1	04	1	7			81	XAYLAP	Vietnamese
10	CAO VĂN TÍNH	RP1	03	1	8			60	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP1	06	1	9			64	XAYLAP	Vietnamese
12	LUƠNG ANH VŨ	RP1	11	1	9			69	CODIEN	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN THANH	RP1	12	1	8			82	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH TUNG TÀI	RP1	08	1	11			65	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN QUANG	RP1	10	1	6			68	CODIEN	Vietnamese
16	VƯƠNG QUỐC VIỆT	RP1	09	1	8			60	CODIEN	Vietnamese
17	ĐẶNG TUẤN ANH	RP1	13	1	11			85	CODIEN	Vietnamese
18	VŨ VĂN TRỌNG	RP1	14	1	7			71	NIPI	Vietnamese
19	VÔ MAU MÈN	CTK3	83-84	2	13			76	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN ANH	CTK3	85	1	12			78	PSV	Vietnamese
21	DUONG NGOC THUONG	CTK3	81-82	2	12			62	NAM TIEN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC5	7	482	9	69	9	112	1		
2	RP1	11	788	11	86	0	0	0		
3	CTK3	3	216	5	37	0	0	4		
TOTAL		21	1.486	25	192	9	112	5		
WEIGHT KG			1.486		192		112			

GRAND TOAL: 1.790 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2025	TO: MRM - TD3 - RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 14:00
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN ĐĂNG HÙNG	MRM	75-76	2	18			63	DMC-MI	Vietnamese
2	VŨ ANH HIỆU	MRM	81-82	2	23			58	SCHLUMBE	Vietnamese
3	VOLKOV ARTEMII	MRM	92	1	7			94	AMNGR	Russian
4	PETRUSENKO DANIL	MRM	93-94	2	13			77	AMNGR	Russian
5	MAZUR ALEKSANDR	MRM	99-100	2	14			65	AMNGR	Russian
6	TIKHONOV DMITRII	MRM	95-96	2	18			92	AMNGR	Russian
7	ANANEV DMITRII	MRM	97-98	2	16			83	AMNGR	Russian
8	PHAN ĐÌNH SANG	MRM	88-89	2	7			78	AMNGR	Vietnamese
9	PHẠM HUY HÙNG	MRM	90-91	2	10			68	AMNGR	Vietnamese
10	NGUYỄN HAI HÙNG	MRM	79-80	2	14			83	AMNGR	Vietnamese
11	HÀ ĐỨC THANH	MRM	83-84	2	14			65	AMNGR	Vietnamese
12	TRẦN ĐẠI HÙNG	MRM	87	1	7	2	22	67	DVL	Vietnamese
13	PHAN TUẤN ĐỨC	MRM	85	1	12			63	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC BÌNH	MRM	86	1	14			69	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	MRM	77-78	2	19			62	SCHLUMBE	Vietnamese
16	VŨ VĂN NAM	TD3	58	1	15	2	35	74	DVL	Vietnamese
17	LE MINH ĐỨC	TD3	57	1	8	2	28	70	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN PHÚC HIẾN	RP3	46-47	2	19			87	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ VĂN TOÀN	RP3	48-49	2	17			68	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN VĂN NAM	RP3	45	1	19			70	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	MRM	15	1.087	26	206	2	22	16	2	CHUYEN 2 PAX MRM-TD3
2	TD3	2	144	2	23	4	63	0		
3	RP3	3	225	5	55	0	0	6		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.456</b>	<b>33</b>	<b>284</b>	<b>6</b>	<b>85</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.456</b>		<b>284</b>		<b>85</b>			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN